

Số: 3836553

|  | <b>Kia Sportage 2.0D Signature (X-Line) (Tùy chọn màu nội thất)</b> | <b>PEUGEOT 408 ALLURE</b> |
|--|---|---------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>969.000.000đ</b>   | <b>1.019.000.000đ</b>     |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |   |                           |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4660 x 1865 x 1700  | 4687 x 1850 x 1510        |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2755  | 2787                      |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5890  |                           |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 190   | 189                       |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1650  | 1430                      |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2100  | 1880                      |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 543   | 536                       |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 54  | 52                        |
| Số chỗ ngồi                                | 5   | 5                         |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước  | SX-LR trong nước          |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |   |                           |
| Loại động cơ                               | Dầu 2.0L  | 1,6 Turbo PureTech        |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1998  | 1598                      |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 184 / 4000  | 218 / 5500                |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 416 / 1750-2750 rpm   | 300 / 2000                |
| Hộp số                                     | 8AT   | 8AT                       |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)   | Cầu trước (FWD)           |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson  | Độc Lập Mac Pherson       |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm  | Bán Độc Lập               |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa   | Đĩa                       |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa   | Đĩa                       |
| Thông số lốp xe                            | 235/55 R19  | 225/55 R18                |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 6.8   | 9.74                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.1   | 6.31                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 5.9   | 7.59                      |
| Chế độ lái                                 | Normal / Eco / Sport / Smart  | Eco/Normal/Sport          |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |   |                           |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector   | LED                       |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●   | ●                         |
| Đèn ban ngày LED                           | ●   | ● (Nhanh sử tử)           |
| Đèn sương mù                               | LED   |                           |
| Cụm đèn sau                                | LED   | LED                       |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●   | ●                         |
| Gạt mưa tự động                            | ●   | ●                         |
| Cửa sổ trời                                | ●   | -                         |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |   |                           |
| Vô lăng bọc da                             | ●   | ●                         |
| Chất liệu ghế                              | Da  | Da                        |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●   | ●                         |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●   | -                         |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●   | -                         |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện       | ●   | ●                         |

|  |  |                    |
|--|--|--------------------|
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát      | ●  | -                  |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi         | ●  | -                  |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                   | ●  | ●                  |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin            | Full-LCD 12.3"                             | 10 inch            |
| Màn hình giải trí trung tâm              | AVN 12.3"                                  | 10 inch            |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto       | ●  | ●                  |
| Hệ thống điều hòa tự động                | ●  | ●                  |
| Số vùng khí hậu điều hòa                 | 2  | 2                  |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                 | ●  | ●                  |
| Chìa khóa thông minh                     | ●  | ●                  |
| Khởi động nút bấm                        | ●  | ●                  |
| Khởi động từ xa                          | ●  | -                  |
| Hệ thống âm thanh                        | 8 loa                                      |                    |
| Lấy chuyển số                            | ●  | ●                  |
| Sạc không dây Qi                         | ●  | ●                  |
| Phanh đỗ điện tử                         | ●  | -                  |
| Giữ phanh tự động Autohold               | ●  | -                  |
| Đèn trang trí nội thất                   | ●  | -                  |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX               | ●  | ●                  |
| <b>AN TOÀN:</b>                          |  |                    |
| Số túi khí                               | 6  | 6                  |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS         | ●  | ●                  |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD         | ●  | ●                  |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA        | ●  | ●                  |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS     | ●  | ●                  |
| Hệ thống cân bằng điện tử                | ●  | ●                  |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA  | ●  | ●                  |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa          | ●  |                    |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                    | Trước & Sau                                | Sau                |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                | ●(hỗ trợ tránh va chạm + hiển thị điểm mù) | ●                  |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường         | ●  | ●                  |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường            | ●  | ●                  |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động           | ●  | ●                  |
| Hệ thống điều khiển hành trình           | ●  | ●                  |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | ●  | -                  |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | ●  | ●                  |
| Camera lùi                               | ●(Tích hợp camera 360)                     | ● (Giả lập 180 độ) |